

PHỤ LỤC 1

CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội				
1.1	Đa dạng hóa hình thức truyền thông; duy trì chuyên mục, sản phẩm truyền thông; tăng cường phụ đề/ngôn ngữ ký hiệu trên sóng truyền hình.	Báo và Phát thanh - Truyền hình Lai Châu	Sở Y tế, Sở VH-TT-DL, UBND các xã, phường	Nâng cao nhận thức xã hội về quyền và khả năng của người khuyết tật (NKT).	Hàng năm (2026 - 2030)
1.2	Tuyên truyền trực quan và lồng ghép thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cơ sở về quyền của người khuyết tật (NKT).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	Tuyên truyền sâu rộng các chính sách trợ giúp NKT tại cộng đồng.	Hàng năm (2026 - 2030)
2	Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng				
2.1	Khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe định kỳ và tiếp cận dịch vụ y tế cho NKT.	Sở Y tế	UBND các xã, phường	Khoảng 90% NKT trên địa bàn tỉnh được tiếp cận các dịch vụ y tế.	Hàng năm (2026 - 2030)
2.2	Rà soát, tầm soát, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển ở trẻ em từ 0 - 6 tuổi và can thiệp sớm.	Sở Y tế	Sở GD&ĐT, UBND các xã, phường	Tối thiểu 80% trẻ em từ 0-6 tuổi được tầm soát và can thiệp sớm khuyết tật.	Hàng năm (2026 - 2030)
2.3	Phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng (PHCN) và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho trẻ em và NKT.	Sở Y tế	Đề nghị UBNDTTQ tỉnh, UBND các xã, phường	Khoảng 450 trẻ em và NKT được phẫu thuật, PHCN và cấp dụng cụ trợ giúp.	Giai đoạn 2026 - 2030
2.4	Nhận rộng mô hình PHCN dựa vào cộng đồng; lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử cho NKT tại trạm y tế xã, phường.	Sở Y tế	UBND các xã, phường	100% NKT được quản lý sức khỏe điện tử tại trạm y tế cơ sở.	2026 - 2030
3	Trợ giúp giáo dục				
3.1	Huy động trẻ khuyết tật đến trường, thực hiện giáo dục hòa nhập ở cấp mầm non và phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế, UBND các xã, phường	80% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục hòa nhập.	Đến năm 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
3.2	Bồi dưỡng năng lực cho giáo viên về giáo dục hòa nhập; hướng nghiệp, phân luồng học sinh khuyết tật sau trung học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan, UBND các xã, phường	Nâng cao chất lượng dạy và học hòa nhập cho học sinh khuyết tật.	Hàng năm (2026 - 2030)
4	Đào tạo nghề, việc làm và hỗ trợ sinh kế				
4.1	Tư vấn, hướng nghiệp và đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế cho NKT có nhu cầu và đủ điều kiện.	UBND các xã, phường	Sở Y tế, các cơ sở đào tạo nghề	NKT có việc làm, thu nhập ổn định, tự lực vươn lên.	Hàng năm (2026 - 2030)
4.2	Hướng dẫn, hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để NKT tự tạo việc làm, khởi nghiệp, phát triển sản xuất.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội ủy thác, UBND các xã, phường	100% NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ vay vốn ưu đãi.	Hàng năm (2026 - 2030)
5	Phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai				
5.1	Lồng ghép nội dung hỗ trợ NKT vào kế hoạch ứng phó thiên tai, dịch bệnh của tỉnh và địa phương.	Sở Y tế	Thường trực PCTT&TKCN tỉnh, UBND các xã, phường	Đảm bảo an toàn cho NKT khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.	Hàng năm (2026 - 2030)
5.2	Phổ biến thông tin cảnh báo sớm, tài liệu tập huấn kỹ năng ứng phó thiên tai, dịch bệnh cho NKT và cán bộ trợ giúp.	Sở Y tế	Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	100% cán bộ làm công tác trợ giúp và NKT được tiếp cận thông tin cảnh báo sớm.	Hàng năm (2026 - 2030)
6	Bảo đảm tiếp cận công trình xây dựng và giao thông				
6.1	Thẩm định quy chuẩn tiếp cận công trình mới; cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng cũ hiện hữu (trụ sở, y tế, giáo dục).	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	100% công trình mới và 50% công trình cũ được cải tạo bảo đảm NKT tiếp cận.	Đến năm 2030
6.2	Phát triển phương tiện giao thông tiếp cận; thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé giao thông công cộng cho NKT.	Sở Xây dựng	Các đơn vị kinh doanh vận tải, UBND các xã, phường	50% NKT sử dụng giao thông tiếp cận; 100% NKT được miễn/giảm giá vé (liên tỉnh giảm tối thiểu 60%).	Đến năm 2030
7	Trợ giúp tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông				

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
7.1	Nâng cấp Công thông tin điện tử; hỗ trợ NKT tiếp cận, sử dụng các dịch vụ CNTT-TT và dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Báo & PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	Tỷ lệ NKT tiếp cận CNTT-TT đạt tối thiểu bằng 1/3 tỷ lệ chung của tỉnh.	Đến năm 2030
8	Trợ giúp pháp lý				
8.1	Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho NKT thuộc diện được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	Sở Tư pháp	Trung tâm TGPL nhà nước, UBND các xã, phường	100% NKT thuộc diện trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ TGPL miễn phí khi có yêu cầu.	Hàng năm (2026 - 2030)
9	Hỗ trợ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch				
9.1	Tạo điều kiện cho NKT tham gia sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật; hoàn thiện không gian đọc cho người khiếm thị tại Thư viện tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo & PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	20% NKT tham gia hoạt động văn hóa; Thư viện tỉnh có không gian đọc chuyên dụng	Đến năm 2030
9.2	Thành lập Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật tỉnh; duy trì phong trào tập luyện thể thao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	Thành lập 01 CLB thể thao NKT; 15% NKT tham gia tập luyện thường xuyên.	Đến năm 2030
10	Hỗ trợ phụ nữ khuyết tật				
10.1	Tập huấn kỹ năng sống, tư vấn tâm lý, lồng ghép giới, nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ khuyết tật.	Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Y tế, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, UBND các xã, phường	100% phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được trợ giúp dưới các hình thức.	Hàng năm (2026 - 2030)
11	Hỗ trợ NKT sống độc lập và hòa nhập cộng đồng				
11.1	Huy động Quỹ "Vì người nghèo" và nguồn xã hội hóa trao tặng xe lăn, xe lắc, máy trợ thính, dụng cụ trợ giúp cho NKT.	Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	UBND các xã, phường, các tổ chức từ thiện	NKT khó khăn có đủ phương tiện trợ giúp để sống độc lập.	Hàng năm (2026 - 2030)
11.2	Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng, cấp thẻ BHYT miễn phí cho NKT theo đúng quy định.	UBND các xã, phường	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh	100% NKT đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội và BHYT.	Hàng năm (2026 - 2030)
12	Nâng cao năng lực cán bộ, gia đình và thống kê dữ liệu				

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
12.1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ trợ giúp NKT; tập huấn kỹ năng chăm sóc cho gia đình và kỹ năng sống cho NKT.	Sở Nội vụ (phối hợp Sở Y tế)	UBND các xã, phường	70% cán bộ được bồi dưỡng; 30% hộ gia đình và 20% NKT được tập huấn kỹ năng.	Đến năm 2030
12.2	Thống kê, cập nhật dữ liệu biến động về NKT trên phần mềm quản lý thông tin tại xã, phường.	UBND các xã, phường	Sở Y tế	Quản lý chính xác, kịp thời dữ liệu NKT trên địa bàn.	Hàng năm (2026 - 2030)

PHỤ LỤC 2:

CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội				
1.1	Đa dạng hóa hình thức truyền thông; ứng dụng sản phẩm truyền thông dễ đọc, dễ hiểu, phù hợp với từng dạng tật (khiếm thính, khiếm thị...).	Báo và Phát thanh - Truyền hình Lai Châu	Sở Y tế, Sở VH-TT-DL, UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan	Truyền thông sâu rộng, chuyển biến nhận thức từ "y tế - chăm sóc" sang "xã hội - hòa nhập".	Hàng năm (2026 - 2030)
1.2	Duy trì, nâng cao chất lượng các chuyên mục, sản phẩm truyền thông (hình ảnh, video, phóng sự, infographic...); tăng cường phụ đề hoặc ngôn ngữ ký hiệu trên sóng truyền hình.	Báo và Phát thanh - Truyền hình Lai Châu	Sở Y tế, các đơn vị liên quan	NKT dễ dàng tiếp cận các sản phẩm truyền thông của tỉnh.	Hàng năm (2026 - 2030)
1.3	Tuyên truyền trực quan và lồng ghép tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cơ sở về quyền của NKT.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	Tăng cường nhận thức và xóa bỏ rào cản, phân biệt đối xử đối với NKT tại cộng đồng.	Hàng năm (2026 - 2030)
2	Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng				
2.1	Bảo đảm người khuyết tật trên địa bàn tỉnh được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau.	Sở Y tế	UBND các xã, phường	Hàng năm, khoảng 90% NKT trên địa bàn tỉnh được tiếp cận các dịch vụ y tế.	Hàng năm (2026 - 2030)
2.2	Rà soát, tầm soát, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển ở trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi và can thiệp sớm các dạng khuyết tật.	Sở Y tế	Sở GD&ĐT, UBND các xã, phường	Tối thiểu 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được rà soát, tầm soát, phát hiện và can thiệp sớm.	Hàng năm (2026 - 2030)
2.3	Thực hiện phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp cho trẻ em và NKT có hoàn cảnh khó khăn.	Sở Y tế	Đề nghị UBMTTQ Việt Nam tỉnh, UBND các xã, phường	Khoảng 450 trẻ em và NKT trên địa bàn tỉnh được phẫu thuật chỉnh hình, PHCN và cấp dụng cụ trợ giúp.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
2.4	Nhân rộng mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử cho NKT tại các Trạm Y tế xã, phường.	Sở Y tế	UBND các xã, phường	100% NKT được lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử tại trạm y tế cơ sở.	2026 - 2030
3	Trợ giúp giáo dục				
3.1	Huy động trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học tham gia giáo dục hòa nhập ở cấp mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế, UBND các xã, phường	80% trẻ khuyết tật có khả năng học tập ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.	Đến năm 2030
3.2	Rà soát nhu cầu học tập của trẻ em, học sinh khuyết tật; tăng cường tư vấn, hướng dẫn gia đình và hỗ trợ cơ sở giáo dục tổ chức giáo dục hòa nhập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường	Các cơ sở giáo dục tạo môi trường an toàn, bình đẳng, không rào cản cho học sinh khuyết tật.	Hằng năm (2026 - 2030)
3.3	Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục hòa nhập; thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh khuyết tật sau trung học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan, UBND các xã, phường	Nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên; định hướng nghề nghiệp phù hợp cho học sinh khuyết tật.	Hằng năm (2026 - 2030)
3.4	Rà soát nhu cầu, tham mưu đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục bảo đảm tiếp cận đối với trẻ khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	Các trường học có đủ điều kiện hạ tầng phục vụ học sinh khuyết tật theo quy định.	2026 - 2030
4	Giáo dục nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ sinh kế				
4.1	Tư vấn học nghề, đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế cho người khuyết tật có nhu cầu học nghề và đủ điều kiện tham gia.	UBND các xã, phường	Sở Y tế, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn	Hỗ trợ đào tạo nghề cho NKT có nhu cầu và đủ điều kiện tham gia.	Hằng năm (2026 - 2030)
4.2	Hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục quy trình vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh để tự tạo việc làm, khởi nghiệp, phát triển sản xuất.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, UBND các xã, phường	Bảo đảm 100% NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được hướng dẫn, hỗ trợ vay vốn lãi suất ưu đãi.	Hằng năm (2026 - 2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
4.3	Phát triển các mô hình sinh kế, mô hình sản xuất kinh doanh có người khuyết tật tham gia phù hợp với đặc thù địa bàn tỉnh.	UBND các xã, phường	Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các đơn vị liên quan	Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất cho NKT.	2026 - 2030
5	Phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai				
5.1	Lồng ghép nội dung hỗ trợ người khuyết tật vào kế hoạch ứng phó thiên tai, dịch bệnh của tỉnh và các xã, phường.	Sở Y tế	Cơ quan Thường trực PCTT&TKCN tỉnh, UBND các xã, phường	Nội dung trợ giúp NKT được lồng ghép triệt để trong mọi phương án ứng phó thiên tai, dịch bệnh.	Hằng năm (2026 - 2030)
5.2	Phổ biến thông tin cảnh báo sớm, cung cấp tài liệu tập huấn kỹ năng ứng phó với dịch bệnh và thiên tai cho NKT và cán bộ trợ giúp.	Sở Y tế	Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	100% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT và NKT được tiếp cận thông tin cảnh báo sớm, tài liệu tập	Hằng năm (2026 - 2030)
6	Bảo đảm tiếp cận công trình xây dựng và giao thông				
6.1	Thẩm định, kiểm tra, giám sát việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng đối với dự án mới.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các xã, phường	Đến năm 2030, 100% các công trình xây dựng mới thuộc diện áp dụng quy chuẩn bảo đảm tiếp cận cho NKT.	Hằng năm (2026 - 2030)
6.2	Rà soát, tham mưu phương án cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng cũ hiện hữu (trụ sở cơ quan, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao) bảo đảm tiếp cận.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các xã, phường	50% công trình cũ hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục tiếp cận đối với NKT.	Đến năm 2030
6.3	Phát triển phương tiện giao thông tiếp cận; trợ giúp NKT tham gia giao thông bằng phương tiện giao thông bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật hoặc dịch vụ tương đương.	Sở Xây dựng	Các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn	Đạt 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện tiếp cận.	Đến năm 2030
6.4	Thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé cho NKT tham gia giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh (tuyến liên tỉnh hỗ trợ giảm tối thiểu 60%).	Sở Xây dựng	Các đơn vị vận tải, UBND các xã, phường	100% người khuyết tật tham gia giao thông công cộng được miễn, giảm giá vé theo quy định.	Hằng năm (2026 - 2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
7	Trợ giúp tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông				
7.1	Nâng cấp Công thông tin điện tử; tổ chức các hoạt động trợ giúp người khuyết tật tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	Tỷ lệ NKT trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, sử dụng dịch vụ CNTT-TT đạt tối thiểu bằng 1/3 tỷ lệ chung.	Đến năm 2030
7.2	Tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn sử dụng các dịch vụ công trực tuyến cho người khuyết tật tại các xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường	NKT từng bước nắm vững kỹ năng số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.	Hằng năm (2026 - 2030)
8	Trợ giúp pháp lý				
8.1	Thực hiện công tác trợ giúp pháp lý miễn phí cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.	Sở Tư pháp	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, UBND các xã, phường	100% người khuyết tật thuộc diện đối tượng được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ miễn phí khi có yêu cầu.	Hằng năm (2026 - 2030)
8.2	Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của NKT và chính sách an sinh xã hội tại cộng đồng.	Sở Tư pháp	UBND các xã, phường	Nâng cao hiểu biết pháp luật cho NKT và nhân dân tại địa bàn các xã, phường.	Hằng năm (2026 - 2030)
9	Hỗ trợ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch				
9.1	Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; tạo điều kiện cho NKT tham gia các thiết chế văn hóa, đọc sách báo tại Thư viện tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và PTH-TH tỉnh, UBND các xã, phường	Hỗ trợ ít nhất 20% NKT tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật; Thư viện tỉnh có không gian đọc chuyên dụng.	Đến năm 2030
9.2	Hướng dẫn thành lập, duy trì và phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao, các Câu lạc bộ thể thao người khuyết tật.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	Phấn đấu có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật, thu hút 15% NKT tham gia tập luyện.	Đến năm 2030
10	Hỗ trợ phụ nữ khuyết tật				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
10.1	Lồng ghép giới trong các chính sách trợ giúp; tổ chức tập huấn kỹ năng sống, tư vấn tâm lý, hỗ trợ sinh kế và nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ khuyết tật.	Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Sở Y tế, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, UBND các xã, phường	Đạt 100% phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.	Hàng năm (2026 - 2030)
11	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng				
11.1	Huy động Quỹ "Vì người nghèo", các nguồn tài trợ, xã hội hóa để tặng phương tiện đi lại (xe lăn, xe lắc), máy trợ thính, dụng cụ chỉnh hình cho NKT.	Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	UBND các xã, phường, các tổ chức từ thiện	NKT có hoàn cảnh khó khăn được cung cấp phương tiện, dụng cụ trợ giúp phù hợp để tự lập.	Hàng năm (2026 - 2030)
11.2	Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách trợ cấp xã hội, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người khuyết tật theo đúng quy định.	UBND các xã, phường	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh	100% người khuyết tật đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội và bảo hiểm y	Hàng năm (2026 - 2030)
12	Nâng cao năng lực cán bộ, gia đình và quản lý dữ liệu				
12.1	Đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác trợ giúp người khuyết tật.	Sở Nội vụ (phối hợp Sở Y tế)	UBND các xã, phường	70% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực.	Đến năm 2030
12.2	Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho hộ gia đình có người khuyết tật.	Sở Y tế	UBND các xã, phường	30% hộ gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và PHCN dựa vào cộng đồng.	Đến năm 2030
12.3	Hỗ trợ tập huấn các kỹ năng sống cơ bản cho người khuyết tật.	Sở Y tế	Đề nghị Hội LHPN tỉnh, UBND các xã, phường	20% người khuyết tật trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ tập huấn các kỹ năng sống cơ bản.	Đến năm 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
12.4	Chi đạo rà soát, thống kê, quản lý trực tiếp và cập nhật thường xuyên dữ liệu biến động người khuyết tật trên phần mềm/hệ thống thông tin quản lý.	UBND các xã, phường	Sở Y tế	Toàn bộ dữ liệu người khuyết tật tại cộng đồng được quản lý, cập nhật chính xác, biến động kịp thời.	Hàng năm (2026 - 2030)